

Số: 195/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 01 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2018
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19/06/2015;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Căn cứ Quyết định số 476/QĐ-BNN-TY ngày 17/02/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống bệnh lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Xét Tờ trình số 218/TTr-SNN ngày 15/12/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Văn bản số 92/STC-HCSN ngày 15/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Tài chính; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. *KMA*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Thú y;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Trung tâm Công báo;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NN, VX3, TC.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần S

KẾ HOẠCH

Phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 29/01/2018
của UBND tỉnh Lâm Đồng)*

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Chủ động phòng chống dịch bệnh động vật và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây ra; từng bước và tiến tới xây dựng được vùng an toàn dịch bệnh góp phần bảo vệ và thúc đẩy chăn nuôi của tỉnh ổn định, phát triển bền vững, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và môi trường sinh thái.

2. Tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức về phòng chống dịch của người dân và các cấp, các ngành. Hướng dẫn, vận động và tổ chức xây dựng các cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức giám sát dịch bệnh đến tận cơ sở để dự tính, dự báo và thông tin chính xác, xử lý kịp thời các ổ dịch nhỏ lẻ ngay từ khi mới phát sinh để hạn chế lây lan ra diện rộng. Tổ chức chống dịch kịp thời, có hiệu quả.

4. Tổ chức mua, tiếp nhận, dự trữ và quản lý vắc xin, hóa chất, vật tư, thuốc thú y phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống dịch.

5. Tổ chức tiêm phòng định kỳ và tiêm bổ sung cho đàn gia súc, gia cầm đạt tỷ lệ 80% tổng đàn trong diện tiêm trở lên.

6. Tổ chức tốt công tác vệ sinh, tiêu độc khử trùng trong chăn nuôi, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, môi trường xung quanh và các ổ dịch.

7. Tăng cường công tác kiểm dịch động vật xuất nhập tỉnh, công tác kiểm soát giết mổ để ngăn ngừa dịch bệnh lây lan qua khâu vận chuyển, khâu giết mổ và tiêu thụ sản phẩm.

8. Nâng cao chất lượng công tác chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật ở cấp tỉnh và cấp huyện để đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.

9. Tổ chức giám sát, theo dõi, báo cáo sơ kết, tổng kết công tác phòng, chống dịch bệnh động vật đảm bảo chính xác, kịp thời.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tiêm phòng vắc xin định kỳ cho đàn gia súc gia cầm

1.1. Mục tiêu:

- Tỷ lệ tiêm phòng toàn tỉnh đạt trên 80% so với tổng đàn trong diện tiêm.

- Không để dịch bệnh xảy ra hoặc tái phát, đảm bảo an toàn cho người tham gia tiêm phòng, bảo quản và sử dụng vắc xin đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng kỹ thuật, không để hư hỏng và lãng phí vắc xin.

- Tiếp tục khống chế và tiến tới thanh toán các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, góp phần phát triển chăn nuôi bền vững.

1.2. Lịch tiêm phòng: Triển khai thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh.

a) Tiêm phòng định kỳ, gồm 02 đợt chính:

- Đợt 1: Bắt đầu từ tháng 04/2018, kết thúc và thanh quyết toán xong trong tháng 6/2018.

- Đợt 2: Bắt đầu từ tháng 10/2018, kết thúc và thanh quyết toán xong trong tháng 11/2018.

b) Tiêm phòng bổ sung: Tiêm phòng bổ sung cho những gia súc, gia cầm chưa tiêm phòng trong đợt tiêm chính do chưa đủ điều kiện tiêm phòng (chưa đến tuổi, bị bệnh...) hoặc bỏ sót, mới nhập về; những gia súc, gia cầm mới tiêm phòng lần đầu phải được tiêm nhắc lại.

c) Tiêm phòng khẩn cấp bao vây vùng có ổ dịch mới phát sinh, vùng uy hiếp, vùng đệm theo phạm vi xác định và hướng dẫn của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

1.3. Đối tượng và loại vắc xin tiêm phòng:

Tiêm phòng vắc xin miễn phí cho toàn bộ các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh.

a) Trâu, bò: Tiêm vắc xin lở mồm long móng (LMLM) và vắc xin tụ huyết trùng trâu, bò.

b) Heo: Tiêm vắc xin dịch tả, tụ huyết trùng và phó thương hàn.

Sử dụng vắc xin có thể kết hợp được với nhau khi tiêm để tổ chức tiêm thuận lợi, đạt hiệu quả; chủng loại vắc xin do Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản lựa chọn cho phù hợp và hướng dẫn tiêm.

c) Gia cầm: Tiêm vắc xin cúm gia cầm chủng độc lực cao, chủng loại vắc xin do Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản lựa chọn đảm bảo phù hợp với sự lưu hành của virút và đặc điểm dịch tễ tại địa phương.

d) Chó: Tiêm vắc xin dại chó.

đ) Đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung, các trang trại, các đối tượng không được Nhà nước hỗ trợ vắc xin (gọi chung là trang trại) thì áp dụng quy trình tiêm phòng theo lứa tuổi; chủ trang trại sử dụng các loại vắc xin được phép lưu hành để tiêm theo lứa tuổi và quy trình tiêm của nhà sản xuất mà cơ sở đã chọn vắc xin để phòng bệnh.

1.4. Phạm vi tiêm phòng:

a) Đối với gia súc: Toàn bộ trâu, bò, heo, chó trong diện tiêm trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Đối với gia cầm: Toàn bộ đàn vịt, ngan của tỉnh.

1.5. Tổ chức tiêm phòng:

a) Công tác chuẩn bị:

- UBND các huyện, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) chỉ đạo việc lập và phê duyệt kế hoạch chi tiết (kinh phí, vật tư, nhân lực, tập huấn, tổ chức thực hiện...); giao trách nhiệm cho cơ quan chuyên môn, các cơ quan liên quan, UBND cấp xã và các đoàn thể tại địa phương phối hợp tổ chức thực hiện.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản: Lựa chọn các loại vắc xin phù hợp với tình hình dịch tễ và thực tế của địa phương; cân đối nhu cầu toàn tỉnh để tổ chức thực hiện mua, dự trữ, bảo quản và phân bổ kịp thời vắc xin cho các địa phương để thực hiện công tác tiêm phòng theo kế hoạch, đúng tiến độ; phối hợp với UBND cấp huyện để chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, tập huấn, chuẩn bị các điều kiện liên quan phục vụ công tác tiêm phòng; phối hợp với Trung tâm nông nghiệp cấp huyện để chuẩn bị tổ chức tiêm phòng theo lịch, kiểm tra, giám sát công tác tiêm phòng; lập hồ sơ, chứng từ để thực hiện thanh quyết toán các nguồn vắc xin, vật tư theo quy định.

b) Tổ chức tiêm phòng và quản lý vắc xin:

- Trung tâm nông nghiệp cấp huyện:

+ Là đơn vị chịu trách nhiệm chính, phối hợp với UBND cấp xã tổ chức tiêm phòng tại địa phương; là đầu mối tiếp nhận các loại vắc xin từ Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; chịu trách nhiệm bảo quản, quản lý cấp, bán, theo dõi tình hình sử dụng vắc xin các loại trên địa bàn huyện.

+ Cấp đúng, đủ giấy chứng nhận tiêm phòng các loại vắc xin theo quy định chung; giám sát và cấp giấy chứng nhận tiêm phòng cho các trang trại tự tiêm; giấy chứng nhận tiêm phòng là cơ sở để người chăn nuôi xuất bán sản phẩm, hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước (nếu dịch bệnh xảy ra); đồng thời là cơ sở để cơ quan Thú y theo dõi tình hình dịch tễ, kiểm tra giám sát về sau.

+ Ghi chép đầy đủ quá trình tiêm phòng theo các biểu mẫu để thanh quyết toán theo quy định. Những trường hợp chủ vật nuôi trong diện tiêm cố tình không chấp hành việc tiêm phòng thì nhân viên Thú y lập biên bản cụ thể, báo cáo về Trung tâm nông nghiệp tổng hợp; chủ vật nuôi phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc không tiêm phòng trước Pháp luật và không được hỗ trợ (nếu dịch bệnh xảy ra).

+ Tiếp nhận, bảo quản và hạn chế đến mức thấp hao hụt vắc xin khi vận chuyển và tiêm phòng; trường hợp phát hiện các lọ vắc xin bị nứt, vỡ, mất phẩm chất về vật lý, quá hạn phải lập biên bản có xác nhận của UBND cấp xã, nhân viên Thú y; thu giữ số vắc xin trên, báo cáo về Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản để xem xét tiêu hủy theo quy định.

+ Thu giữ vỏ lọ vắc xin các loại, cùi giấy chứng nhận tiêm phòng đã cấp phát; lưu trữ đầy đủ để kiểm tra, theo dõi và tiêu hủy vỏ lọ vắc xin theo hướng dẫn của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

+ Báo cáo tiến độ và kết quả tiêm phòng về Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản và UBND cấp huyện.

- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản:

+ Kiểm tra, giám sát và phối hợp với Trung tâm nông nghiệp cấp huyện tổ chức tiêm phòng và các hoạt động phòng chống dịch.

+ Phối hợp với Trung tâm nông nghiệp cấp huyện thực hiện công tác dự trữ, bảo quản, cấp phát vắc xin, kiểm tra, thu hồi tiêu hủy vô lọ và thanh quyết toán kinh phí vắc xin theo quy định.

+ Tổng hợp báo cáo tiến độ và kết quả tiêm phòng về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thú y.

c) Giám sát tiêm phòng:

- Giám sát chuyên môn, kỹ thuật tiêm phòng; địa bàn và đối tượng tiêm phòng; quản lý, bảo quản vắc xin tiêm phòng; tổ chức thực hiện bảo hộ lao động; nghiệm thu, thanh quyết toán sau tiêm phòng.

- Giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các điểm phát bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, các trường hợp phản ứng khi tiêm phòng.

- Giám sát kháng thể sau tiêm phòng: Lấy mẫu máu trên gia súc gia cầm sau tiêm phòng hoặc đột xuất để kiểm tra hàm lượng kháng thể nhằm đánh giá hiệu quả tiêm phòng đồng thời dự tính, dự báo nguy cơ và đề ra các biện pháp khắc phục.

1.6. Nhu cầu vắc xin để tiêm phòng năm 2018:

a) Vắc xin lở mồm long móng: Tổng số 170.000 liều, trong đó: Số lượng còn tồn của năm 2017 chuyển sang: 25.000 liều; số lượng mua năm 2018: 145.000 liều.

b) Vắc xin tụ huyết trùng trâu bò: 160.900 liều.

c) Vắc xin nhị liên (tụ huyết trùng, phó thương hàn heo): 363.100 liều.

d) Vắc xin dịch tả heo: 363.100 liều.

đ) Vắc xin cúm gia cầm (H5N1): Tổng số 426.500 liều, trong đó: Số lượng còn tồn của năm 2017 chuyển sang: 308.500 liều; số lượng mua năm 2018: 118.000 liều.

e) Vắc xin đại chó: 69.650 liều.

2. Vệ sinh tiêu độc, khử trùng

2.1. Mục tiêu:

- Chủ động tiêu diệt mầm bệnh tại môi trường và trên đàn vật nuôi để tạo môi trường chăn nuôi an toàn, ngăn chặn sự lây nhiễm dịch bệnh; bảo vệ sức khỏe vật nuôi, sức khỏe con người và cộng đồng.

- Vệ sinh, khử trùng tiêu độc được thực hiện đúng phương pháp với hóa chất phù hợp, hiệu quả cao; đảm bảo an toàn cho con người, vật nuôi và không gây ô nhiễm môi trường.

- Quản lý, cấp phát và sử dụng hóa chất đúng mục đích, đúng đối tượng, không để hư hỏng, không gây lãng phí.

2.2. Đối tượng thực hiện:

- Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm: Chuồng trại, khu vực chăn nuôi và phụ cận; bãi chăn thả; thiết bị, dụng cụ chăn nuôi, thú y; phương tiện vận chuyển; người ra vào cơ sở,...

- Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm: Phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; khu vực nuôi nhốt và phụ cận; khu vực giết mổ và xử lý; dụng cụ giết mổ và chứa đựng, người ra vào cơ sở.

- Các chợ, điểm tập trung, nơi buôn bán động vật sống và sản phẩm động vật, nơi thu gom chất thải; các trục đường giao thông, nơi có nguy cơ lây lan dịch bệnh.

- Phương tiện, dụng cụ vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, chất thải của động vật, phương tiện vận chuyển ra vào vùng dịch.

- Vùng có dịch bệnh xảy ra; nơi có gia súc gia cầm bệnh, chết; nơi công cộng, bãi chăn thả trong phạm vi uy hiếp của dịch bệnh; khu vực xử lý hoặc chôn gia súc, gia cầm.

2.3. Thời gian và phương thức thực hiện:

a) Khử trùng tiêu độc định kỳ: Tổ chức thực hiện 04 đợt chính trong năm như sau:

- Đợt I: Từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2018 (kết hợp thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước và sau Tết Nguyên đán);

- Đợt II: Từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2018;

- Đợt III: Từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2018;

- Đợt IV: Từ tháng 11 đến 12 năm 2018.

b) Khử trùng tiêu độc đột xuất: Tiến hành khi có dịch bệnh xảy ra, dịch bệnh uy hiếp hoặc diễn biến dịch bệnh và thời tiết phức tạp có nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh cao, đột xuất theo phát động và chương trình đột xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thú y.

2.4. Nội dung thực hiện:

a) Công tác chuẩn bị:

- UBND cấp huyện: Chỉ đạo việc lập và phê duyệt kế hoạch chi tiết (kinh phí, vật tư, nhân lực, tập huấn, tổ chức thực hiện...); giao trách nhiệm cho cơ quan chuyên môn, các cơ quan liên quan, UBND cấp xã và các đoàn thể tại địa phương phối hợp tổ chức thực hiện.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản căn cứ tình hình dịch tễ và thực tế của công tác phòng chống dịch để lựa chọn hóa chất phù hợp, dự trữ số lượng, loại hóa chất để thực hiện mua, tiếp nhận, dự trữ, bảo quản cấp phát đủ số lượng, chủng loại, đúng thời gian theo yêu

câu; hướng dẫn, tập huấn về chuyên môn, kỹ thuật trong công tác vệ sinh, khử trùng tiêu độc; phối hợp với Trung tâm nông nghiệp cấp huyện lập chứng từ và thanh quyết toán đúng quy định.

b) Tổ chức khử trùng tiêu độc:

- Trung tâm nông nghiệp cấp huyện:

+ Là đầu mối tiếp nhận, quản lý hóa chất và tổ chức thực hiện công tác khử trùng tiêu độc trên địa bàn toàn huyện.

+ Cấp phát hóa chất, hướng dẫn chuyên môn cho các hộ chăn nuôi có gia súc gia cầm bị bệnh hoặc trong vùng dịch, vùng có nguy cơ cao tự tổ chức vệ sinh, tiêu độc khử trùng tại cơ sở của mình và giám sát việc thực hiện của các hộ chăn nuôi.

+ Phối hợp với UBND cấp xã tổ chức các tổ, đội phun thuốc để tổ chức các đợt vệ sinh, khử trùng tiêu độc đối với các khu vực công cộng theo kế hoạch và đợt xuất; tổ chức chống dịch, kiểm dịch động vật và các hoạt động phòng chống dịch khác (xử lý, tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật).

+ Quản lý và chịu trách nhiệm về việc sử dụng hóa chất tại địa phương. Thu hồi vỏ lọ đựng hóa chất đã sử dụng và tổ chức tiêu hủy lập hồ sơ thanh, quyết toán việc sử dụng hóa chất theo hướng dẫn của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

+ Báo cáo kết quả thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc về Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản và UBND huyện.

- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản:

+ Phân bổ hóa chất theo kế hoạch và nhu cầu của các địa phương;

+ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện khử trùng tiêu độc của các địa phương, đơn vị; phối hợp quản lý, kiểm tra tiêu hủy vỏ lọ, thanh quyết toán hóa chất với Trung tâm nông nghiệp.

+ Báo cáo kết quả thực hiện công tác khử trùng tiêu độc định kỳ, đợt xuất về Sở Nông nghiệp và Cục Thú y theo qui định.

2.5. Nhu cầu hóa chất:

Số lượng hóa chất khử trùng tiêu độc năm 2018: Tổng số 30.000 lít, bao gồm các chủng loại: Iodine: 10.000 lít; RTD-Iodine: 10.000 lít và Bioxide: 10.000 lít.

III. KINH PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN:

1. Tổng kinh phí: 15.881.039.800 đồng (Mười lăm tỷ, tám trăm tám mươi một triệu, không trăm ba mươi chín ngàn, tám trăm đồng), trong đó:

a) Kinh phí mua vắc xin: 7.475.265.000 đồng.

b) Kinh phí mua hóa chất: 3.810.000.000 đồng.

c) Kinh phí chi cho các hoạt động phòng chống dịch thường xuyên của cấp tỉnh: 587.000.000 đồng.

d) Kinh phí chi cho công tác tổ chức tiêm phòng, khử trùng tiêu độc và các hoạt động phòng chống dịch thường xuyên tại các huyện, thành phố: 4.008.774.800 đồng.

2. Nguồn kinh phí:

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ: 3.806.250.000 đồng.

b) Ngân sách địa phương: 12.074.789.800 đồng, gồm:

- Ngân sách tỉnh: 8.066.015.000 đồng; trong đó đã phân bổ: 495.000.000 đồng (tại Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh)

- Ngân sách do các huyện, thành phố tự đảm bảo: 4.008.774.800 đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI đính kèm).

3. Phương thức thực hiện:

a) Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ: Thực hiện mua vắc xin lở mồm long móng tiêm phòng theo Chương trình quốc gia khống chế và thanh toán bệnh lở mồm long móng theo Quyết định số 476/QĐ-BNN-TY ngày 17/2/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính dự trù số lượng, chủng loại vắc xin; tạm ứng, tiếp nhận nguồn kinh phí từ Trung ương để mua vắc xin tổ chức tiêm phòng kịp thời.

b) Nguồn ngân sách tỉnh: Cấp để mua các loại vắc xin tiêm phòng khác, hóa chất khử trùng tiêu độc và các chi phí cho việc tổ chức phòng chống dịch thường xuyên ở cấp tỉnh. Riêng kinh phí chống dịch, tiêu hủy động vật và các hoạt động đột xuất khác (ngoài Kế hoạch được phê duyệt) sẽ được xem xét, xử lý theo thực tế phát sinh.

c) Nguồn ngân sách cấp huyện: Chi cho công tác tổ chức tiêm phòng, khử trùng tiêu độc và các hoạt động phòng chống dịch thường xuyên tại địa phương (Công tiêm phòng, tiêu độc khử trùng, tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra, giám sát, vật tư và các chi phí khác phục vụ phòng chống dịch).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện Kế hoạch: Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hướng dẫn chuyên môn, cung ứng vắc xin, hóa chất và các vật tư phòng, chống dịch được phê duyệt; tổ chức thực hiện công tác phòng, chống dịch ở cấp tỉnh; kiểm tra, giám sát đôn đốc hoạt động phòng, chống dịch ở cấp huyện; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện và tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh chỉ đạo các tình huống phát sinh trong công tác phòng, chống dịch cho động vật trên toàn tỉnh.

2. Sở Tài chính cân đối kinh phí để bố trí cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trong kế hoạch chi ngân sách để chủ động thực hiện.

3. Các sở, ngành: Y tế, Công Thương, Tài nguyên Môi trường, Giao thông Vận tải, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp thực hiện Kế hoạch đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

4. UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc:

a) Chỉ đạo việc lập và phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2018; bố trí kinh phí, nhân lực để tổ chức thực hiện công tác phòng, chống dịch phù hợp với tình hình của địa phương; chỉ đạo các đơn vị và nhân dân địa phương thực hiện nghiêm túc Luật Thú y và kế hoạch này.

b) Khi xuất hiện ổ dịch tại địa phương, Chủ tịch UBND cấp huyện chủ động sử dụng ngân sách dự phòng của địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; đồng thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để đề nghị hỗ trợ kinh phí cho UBND cấp huyện theo đúng quy định.

5. Các trang trại (theo tiêu chí trang trại hiện hành) tự chi trả kinh phí tiêm phòng và các chi phí phòng chống dịch khác.

6. Đài Phát thanh Truyền hình, Báo Lâm Đồng xây dựng chuyên mục, kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện tốt công tác tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp thường xuyên tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia và thực hiện tốt kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật. /s/

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm S



Phụ lục I: Số lượng vắc xin tiêm phòng năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 195 /QĐ-UBND ngày 20 / 01 / 2018 của UBND tỉnh)

Stt	Chủng loại	Năm 2017		Năm 2018	
		Lượng vắc xin mua, sử dụng (liều)	Lượng vắc xin còn tồn (liều)	Dự trừ số lượng vắc xin để tiêm phòng (liều)	Nhu cầu vắc xin cần phải mua (liều)
1	Vắc xin lở mồm long móng	161.150	25.000	170.000	145.000
2	Vắc xin Tụ huyết trùng trâu, bò	130.620	0	160.900	160.900
3	Vắc xin kép Nhị liên (THT, PTH heo)	358.585	0	363.100	363.100
4	Vắc xin Dịch tả heo	358.585	0	363.100	363.100
5	Vắc xin Cúm gia cầm	427.500	308.500	426.500	118.000
6	Vắc xin Đại chó	56.360	0	69.650	69.650



Phụ lục II: Kinh phí mua vắc xin tiêm phòng năm 2018 từ ngân sách tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 195 /QĐ-UBND ngày 20 / 04 / 2018 của UBND tỉnh)

Stt	Loại vắc xin	Số lượng (liều)	Đơn giá (đồng/liều)	Thành tiền (đồng)
1	Vắc xin Tụ huyết trùng trâu, bò	160.900	5.460	878.514.000
2	Vắc xin kép Nhị liên (Tụ huyết trùng, phó thương hàn heo)	363.100	3.150	1.143.765.000
3	Vắc xin Dịch tả heo	363.100	1.680	610.008.000
4	Vắc xin Cúm gia cầm	118.000	357	42.126.000
5	Vắc xin Đại chó	69.650	14.280	994.602.000
Tổng cộng				3.669.015.000

Phụ lục III: Kinh phí mua hóa chất năm 2018
(Kèm theo Quyết định số 195 /QĐ-UBND ngày 20 / 04 / 2018 của UBND tỉnh)

Stt	Loại hóa chất	Số lượng (lít)	Đơn giá (đồng/lít)	Thành tiền (đồng)
1	Hóa chất Han - Iodine 10%	10.000	126.000	1.260.000.000
2	Hóa chất RTD - Iodine	10.000	130.000	1.300.000.000
3	Hóa chất Bioxide	10.000	125.000	1.250.000.000
Tổng cộng				3.810.000.000



Phụ lục IV: Kinh phí hoạt động phòng chống dịch thường xuyên ở cấp tỉnh năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 195 /QĐ-UBND ngày 20 / 01 / 2018 của UBND tỉnh)

Stt	Nội dung	Số tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Tuyên truyền, tập huấn, hội thảo	172.070.000	Đã được bố trí 495.000.000 đồng tại Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018
2	Bảo hộ lao động	38.000.000	
3	Chi phí lấy mẫu xét nghiệm để giám sát và chẩn đoán	73.840.000	
4	Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát tiêm phòng và chống dịch, tiêu hủy vỏ lọ, quyết toán, tập huấn, hội nghị, công tác quản lý	220.090.000	
5	Chi phí tiếp nhận, bảo quản, giao nhận vắc xin, hóa chất	83.000.000	
Tổng cộng		587.000.000	



Phụ lục V: Kinh phí cho các hoạt động phòng chống dịch thường xuyên ở cấp huyện năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị	Tiền phòng (đồng)	Khử trùng, tiêu độc (đồng)	Hoạt động khác (đồng)	Cộng (đồng)
1	Huyện Lạc Dương	83.895.000	81.383.760	45.434.000	210.712.760
2	Thành phố Đà Lạt	96.979.560	17.969.340	10.655.000	125.603.900
3	Huyện Đơn Dương	190.485.000	38.199.000	53.000.000	281.684.000
4	Huyện Đức Trọng	352.920.000	91.800.000	64.000.000	508.720.000
5	Huyện Lâm Hà	340.170.000	187.680.000	59.796.000	587.646.000
6	Huyện Đam Rông	69.760.860	76.010.400	47.255.000	193.026.260
7	Huyện Di Linh	230.028.360	191.067.420	46.160.000	467.255.780
8	Thành phố Bảo Lộc	289.682.040	168.300.000	42.000.000	499.982.040
9	Huyện Bảo Lâm	124.440.000	29.070.000	47.500.000	201.010.000
10	Huyện Đạ Huoai	256.122.000	61.812.000	0	317.934.000
11	Huyện Đạ Tẻh	234.600.000	71.400.000	50.000.000	356.000.000
12	Huyện Cát Tiên	214.200.000	0	45.000.000	259.200.000
Tổng cộng		2.483.282.820	1.014.691.920	510.800.000	4.008.774.800



Phụ lục VI: Tổng hợp dự toán kinh phí phòng chống dịch động vật năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của UBND tỉnh)

Sĩt	Danh mục	Số tiền
I	Ngân sách Trung ương hỗ trợ	3.806.250.000
1	Kinh phí mua vắc xin lở mồm long móng	3.806.250.000
II	Ngân sách tỉnh cấp	8.066.015.000
2	Kinh phí mua vắc xin	3.669.015.000
3	Kinh phí mua hóa chất	3.810.000.000
4	Kinh phí phòng chống dịch cấp tỉnh	587.000.000
III	Kinh phí PCD cấp huyện	4.008.774.800
	Tổng cộng	15.881.040.000